

và phát triển luôn gắn liền với quá trình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà, có thể khái quát qua các giai đoạn phát triển như sau:

### **Thời kỳ trước đổi mới đất nước**

Ở Đồng Nai, đội ngũ công nhân xuất hiện khá sớm đi đôi với việc thực dân Pháp chiếm đoạt và khai thác tài nguyên ở xứ thuộc địa và trở thành lực lượng tiên phong trong các phong trào đấu tranh cách mạng từ khi có sự lãnh đạo của Đảng. Đầu thế kỷ XX, khi thực dân Pháp xây dựng các tuyến đường bộ, đường sắt bắc qua các con sông rạch trên Đồng Nai thì đã có các tầng lớp công nhân ngành giao thông ra đời tại thành phố Biên Hòa. Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, tư bản thực dân Pháp đã thiết lập nhiều đồn điền cao su, công nhân cao su từ nguồn địa phương và các nguồn từ các tỉnh miền Bắc, miền Trung theo mộ phu của chủ đồn điền về định cư tại Đồng Nai với lực lượng khá đông. Sau Hiệp định Gieneve, đất nước tạm thời chia thành hai miền, đến năm 1963 ra đời khu công nghiệp Biên Hòa trên diện tích 300 ha làm tăng nhanh lực lượng công nhân. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, đội ngũ công nhân Đồng Nai đã làm nên những trang sử anh hùng, tạo nên "hào khí Đồng Nai". Trong thời kỳ xây dựng đất nước, đội ngũ công nhân Đồng Nai là lực lượng gánh vác sự nghiệp cách mạng trước Đảng và nhân dân, tiếp tục xây dựng tỉnh Đồng

Nai luôn là một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về phát triển kinh tế - xã hội. Tùy thuộc vào đặc điểm nền kinh tế trong từng thời kỳ phát triển quy định sự hình thành và phát triển của đội ngũ công nhân, trước năm 1986, tức là trước thời kỳ đổi mới, thời kỳ cơ chế tập trung bao cấp, đại đa số công nhân trực tiếp sản xuất tập trung vào khu vực kinh tế quốc doanh nhiều hơn khu vực kinh tế ngoài quốc doanh và chưa hình thành công nhân trong khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Tổng số công nhân năm 1985 là 29.976 người, trong đó khối quốc doanh là 17.980 người chiếm 59,98%, khối ngoài quốc doanh là 12.038 người chiếm 40,02% tổng số công nhân trên địa bàn tỉnh.

### **Thời kỳ đổi mới**

Với chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước đã thu hút mạnh mẽ đầu tư nước ngoài, tạo môi trường thuận lợi cho công nghiệp Đồng Nai phát triển nhanh chóng. Đội ngũ công nhân Đồng Nai phát triển mạnh về số lượng và chất lượng cả khu vực quốc doanh, ngoài quốc doanh và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Cùng với quá trình phát triển đất nước và phát triển các ngành nghề khác người lao động tham gia vào sản xuất công nghiệp ngày càng đông. Chỉ tính từ năm 1991 đến nay, tác động của chủ trương thu hút mạnh mẽ đầu tư của khu vực kinh tế trong nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, với sự ra đời của các

Luật doanh nghiệp (đó là Luật doanh nghiệp tư nhân năm 1991; Luật công ty cổ phần năm 1991; Luật doanh nghiệp năm 1999 và nay là Luật doanh nghiệp năm 2005) và các Luật đầu tư nước ngoài (Luật năm 1989, Luật năm 1993, nay là một phần của Luật doanh nghiệp năm 2005), tỉnh Đồng Nai đã sớm nắm bắt thời cơ, tận dụng cơ hội, phát huy lợi thế tiềm năng của tỉnh, thu hút tốt vốn đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài phát triển kinh tế, đặc biệt là phát triển công nghiệp. Từ đó tăng số lượng công nhân Đồng Nai với chất lượng ngày càng cao trong các khu vực kinh tế được thể hiện cụ thể qua quá trình hình thành và phát triển như sau:

*Số lượng và cơ cấu đội ngũ công nhân trong các thành phần kinh tế*

Đến cuối năm 2005, toàn tỉnh có 338.420 lao động công nghiệp, chiếm 30,89% tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế. Trong đó, lao động khu vực có vốn đầu tư nước ngoài là 230.400 người, chiếm 68,08%; lao động khu vực kinh tế trong nước (kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế cá thể và kinh tế hỗn hợp) là 108.020 người chiếm 31,09%.

Cùng với sự tăng trưởng quy mô nền kinh tế, số lượng công nhân tăng trưởng nhanh theo xu hướng giai đoạn sau cao hơn giai đoạn trước. Nếu như tốc độ

tăng trưởng số lượng công nhân giai đoạn 1986 - 1990 chỉ có 5,5%, chủ yếu khối kinh tế trong nước, đã tăng lên đến 14,76% ở giai đoạn 1991 - 1995, chính là nhờ kết quả thực hiện đường lối đổi mới kinh tế. Giai đoạn 1996 - 2000 do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế - tài chính khu vực Đông Nam Á, tốc độ tăng trưởng chỉ đạt 13,66% và tăng nhanh vào giai đoạn 2001 - 2005 đạt đến 19,11%.

**Bảng 1: Lao động công nghiệp trong các thành phần kinh tế**

*Đơn vị tính: Người*

Chỉ tiêu	1985	1990	1992	1995	2001	2005
<b>Tổng số</b>	<b>29.976</b>	<b>39.181</b>	<b>40.767</b>	<b>77.996</b>	<b>168.133</b>	<b>338.420</b>
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	-	-	410	23.027	93.510	230.400
Khu vực kinh tế trong nước	29.976	39.181	40.726	54.969	74.623	108.020
Kinh tế Nhà nước	17.980	22.375	23.412	19.163	28.147	27.270
Kinh tế dân doanh	12.038	16.806	17.314	25.806	46.476	80.750
Kinh tế tập thể	-	-	-	328	813	900
Kinh tế tư nhân	-	-	-	5.568	8.899	17.500
Kinh tế cá thể	-	-	-	17.384	19.425	26.450
Kinh tế hỗn hợp	-	-	-	2.526	17.339	25.900

*Nguồn: Niên giám thống kê hàng năm của Cục thống kê Đồng Nai.*

**Bảng 2: Tỷ trọng và tốc độ tăng trưởng  
của lao động công nghiệp trong các thành phần  
kinh tế ở tỉnh Đồng Nai**

*Đơn vị tính: %*

Chỉ tiêu	Cơ cấu					Tốc độ tăng trưởng			
	1985	1990	1995	2001	2005	1990/ 1975	1995/ 1990	2001/ 1990	2005/ 2001
<b>Tổng số</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>5,5</b>	<b>14,76</b>	<b>13,66</b>	<b>19,11</b>
1. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	-	-	29,52	55,62	66,08	-	282,9	26,31	25,28
2. Khu vực kinh tế tư nhân	100	100	70,48	44,38	31,92	5,5	7,00	5,23	9,69
Kinh tế Nhà nước	59,98	57,11	37,39	16,74	8,06	-	5,44	-0,59	-0,79
Kinh tế ngoài quốc doanh	40,42	42,89	33,09	27,64	23,86	-	8,96	10,30	14,81
Kinh tế tập thể	-	-	0,43	0,48	0,27	-	-	16,33	2,57
Kinh tế tư nhân	-	-	7,13	5,29	5,17	-	-	8,13	18,42
Kinh tế cá thể	-	-	22,29	11,55	7,82	-	-	1,87	8,02
Kinh tế hỗn hợp	-	-	3,24	10,32	10,61	-	-	37,86	19,95

*Nguồn: Tính toán của tác giả từ Niên giám Thống kê Đồng Nai.*

Số lượng công nhân tăng trưởng nhanh trong khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, khu vực kinh tế trong nước tăng lên nhưng tốc độ chậm hơn, chủ yếu tăng trưởng ở thành phần kinh tế tư nhân và kinh tế hỗn hợp, thành phần kinh tế tập thể, kinh tế cá thể tăng thấp còn kinh tế Nhà nước không tăng mà còn giảm sút.

Công nhân khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được hình thành từ năm 1992 với 400 người làm việc trong bốn dự án đầu tư nước ngoài. Cùng với tăng nhanh thu hút đầu tư nước ngoài, hình thành các khu công nghiệp tập trung đã thu hút lao động trẻ từ mọi miền đất nước, nhất là các tỉnh miền Bắc, duyên hải miền Trung, các tỉnh miền Tây Nam bộ hội tụ về Đồng Nai kiếm việc làm nên số lượng công nhân trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng tăng lên nhanh chóng, năm 1995 có 23.027 người, năm 2001 có 93.510 người và đạt 230.400 người vào năm 2005. Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 1990 - 1995 là 282,96%/năm; giai đoạn 1996 - 2000 đạt 26,31% năm; giai đoạn 2001 - 2005 đạt 25,28% năm.

Công nhân trong khu vực kinh tế nhà nước tăng 5,44% năm giai đoạn 1990 - 1995; giai đoạn 1996 - 2000 do quá trình đổi mới sắp xếp doanh nghiệp nhà nước theo hướng cổ phần hóa thu hút vốn đầu tư, đổi mới cơ chế quản lý, tăng hiệu quả hoạt động, phù hợp với tiến

trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, lao động của khu vực kinh tế nhà nước giảm sút 0,59% năm, và giai đoạn 2001 - 2005 tiếp tục giảm sút 0,79%.

Kinh tế tập thể tuy được giữ vững về số lượng nhưng quy mô, tỷ trọng lao động tham gia khu vực kinh tế này còn nhỏ bé, chiếm chưa đến 0,5% tổng lao động, giai đoạn 1996 - 2000 tăng trưởng 16,33% do ít nhiều ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế - tài chính khu vực, nhưng giai đoạn 2001 - 2005 khu vực kinh tế này cũng không thu hút thêm nhiều lao động, tốc độ tăng trưởng lao động cũng chỉ đạt 2,57% năm.

Khu vực kinh tế tư nhân, với sự ra đời và hoàn thiện của các Luật doanh nghiệp đã thu hút đầu tư phát triển nhanh khu vực kinh tế dân doanh làm tăng số lượng công nhân trong khu vực kinh tế này. Số lượng công nhân tăng trưởng nhanh đạt 8,13% giai đoạn 1996 - 2000 và đạt 18,42% vào giai đoạn 2001 - 2005.

Khu vực kinh tế cá thể do chuyển đổi thành lập doanh nghiệp tư nhân, công ty theo các Luật doanh nghiệp<sup>1</sup>, các Luật khuyến khích đầu tư trong nước<sup>2</sup> nên số lượng công

---

1. Luật doanh nghiệp năm 2005 là Luật hiện hành.

2. Luật khuyến khích đầu tư trong nước đã hết hiệu lực từ khi Luật doanh nghiệp năm 2005 và Luật đầu tư năm 2005 ra đời và có hiệu lực.

nhân trong khu vực này chỉ tăng 1,87% giai đoạn 1996 - 2000, tăng 8,02% giai đoạn 2001 - 2005.

Khu vực kinh tế hỗn hợp tỏ ra hoạt động có hiệu quả, thu hút thêm nhiều lao động nên số lượng lao động tham gia khu vực này tăng trưởng nhanh giai đoạn 1996 - 2000 đạt 37,86%, tuy giảm sút nhưng vẫn đạt tốc độ tăng trưởng là 19,95% giai đoạn 2001 - 2005, cao hơn tốc độ tăng trưởng lao động chung của nền kinh tế (19,11%).

*Cơ cấu công nhân trong một số ngành sản xuất vật chất*

Xét theo cơ cấu ngành sản xuất vật chất, số lượng công nhân ngành sản xuất công nghiệp luôn chiếm tỷ trọng cao và có xu hướng tăng lên. Trong giai đoạn 1986 - 2000, số lượng công nhân ngành công nghiệp chế biến chiếm 72,50% vào năm 2000 tổng số lao động ngành sản xuất vật chất, đã tăng nhanh thời kỳ 2001 - 2005, chiếm 76,54% năm 2005. Lao động trong các ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, ngành xây dựng, ngành vận tải kho bãi, thông tin bưu điện, mặc dù tăng về số lượng nhưng tốc độ tăng trưởng chậm hơn ngành công nghiệp nên giảm tỷ trọng lao động trong tổng số lao động ngành sản xuất vật chất. Lao động ngành sản xuất, phân phối điện, từ chỗ chiếm tỷ trọng 1,25% vào năm 1990, giảm còn 0,99% vào năm 1995, 1,05% năm 2000, chỉ còn 0,88% năm 2005. Lao động trong ngành xây dựng chiếm



13,84% năm 1990, còn 15,33% năm 1995, 15,13% vào năm 2000 và chiếm 13,19% vào năm 2005.

Lao động trong ngành vận tải kho bãi, thông tin bưu điện, từ chỗ chiếm 11,06% năm 1990, tăng lên 11,13% năm 1995, 11,32% năm 2000, giảm xuống còn 9,42% vào năm 2005 (xem bảng 3).

**Bảng 3: Cơ cấu công nhân lao động ở một số ngành sản xuất vật chất qua các thời kỳ đến năm 2005**

*Đơn vị tính: %*

Ngành sản xuất vật chất	1990	1995	2000	2005
<i>Toàn tỉnh</i>	<i>100,00</i>	<i>100,00</i>	<i>100,00</i>	<i>100,00</i>
- Ngành công nghiệp	73,78	72,55	72,55	76,54
- Ngành sản xuất phân phối điện khí đốt	1,25	0,99	1,05	0,88
- Ngành xây dựng	13,84	15,33	15,13	13,19
- Ngành vận tải kho bãi, thông tin bưu điện	11,06	11,13	11,32	9,42

*Nguồn: Niên giám thống kê của Cục Thống kê Đồng Nai.*

Đánh giá quá trình hình thành và đặc điểm của giai cấp công nhân như trên là phân loại công nhân theo kiểu "truyền thống" như: công nhân công nghiệp, công nhân nông nghiệp, công nhân lâm nghiệp, công nhân khai khoáng, công nhân xây dựng, v.v.; hiện nay, có kiểu phân loại cụ thể, "cập nhật" và rõ ràng hơn trong việc trả lời khá cụ thể câu hỏi: "những ai thuộc giai cấp công nhân"?

Đó là các kiểu phân loại sau đây:

1- *Công nhân kỹ thuật* đã đào tạo (bậc 1 đến 7 có chứng chỉ Nhà nước công nhận).

2- *Kỹ thuật viên, kỹ sư...* nhưng trực tiếp vận hành và tham gia quản lý sản xuất vật chất ở các doanh nghiệp (mà không lấy nghiên cứu lý thuyết làm hoạt động chủ yếu); vậy, các kỹ sư ra trường, nếu về trực tiếp vận hành sản xuất vật chất ở doanh nghiệp sẽ là kỹ sư - công nhân; một kỹ sư khác lại chủ yếu làm nghiên cứu lý thuyết, phát minh, sáng chế, v.v., lại là kỹ sư - trí thức chứ không phải: cứ "kỹ sư" có nghĩa là trí thức. Vấn đề là cá nhân người đó có phương thức lao động cá nhân chủ yếu ra sản phẩm vật chất hay chủ yếu ra sản phẩm lý thuyết?

3- *Công nhân - trí thức*: những người vừa trực tiếp sản xuất vật chất, vừa nghiên cứu lý thuyết gắn với ứng dụng vào sản xuất ("công nhân cổ trắng" hay "công nhân trí óc"...).

4- *Công nhân dịch vụ*: dịch vụ sản xuất, dịch vụ khoa học - công nghệ, dịch vụ tài chính - ngân hàng; dịch vụ thương mại, dịch vụ tư vấn, dịch vụ đời sống, dịch vụ du lịch, v.v... (tỷ lệ này ngày càng cao ở các nước G7...).

5- *Công nhân lao động giản đơn* (mà một số người gọi là "lao động cơ bắp"... không đào tạo hoặc đào tạo rất sơ đẳng có tính kinh nghiệm, quen tay một vài động tác giản đơn...).

Thực tiễn hiện nay ở Việt Nam cho thấy: dù nước ta chưa thực hiện xong công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì nước ta cũng đã có đủ 5 loại công nhân nêu trên, nhất là ba loại:

+ Công nhân kỹ thuật (bậc 1 đến bậc 7)

+ Kỹ thuật viên, kỹ sư trực tiếp sản xuất ở các phân xưởng.

+ Công nhân lao động giản đơn.

*Đặc biệt là "loại 5" này:* ở Việt Nam vẫn chiếm trên 50% "tham gia đình công"... Ở Đồng Nai hiện nay, đại bộ phận vẫn là loại 5 - mà nếu "gọi tên đúng sự vật" thì đó là *những người lao động làm thuê - giản đơn - ngắn hạn* chưa thể hiện rõ là những "người công nhân" theo đúng nghĩa của giai cấp công nhân, nếu không "xếp" họ vào cơ cấu 5 loại công nhân nêu trên.

Dẫu sao, ở Việt Nam nói chung và Đồng Nai nói riêng, khi đã và đang thực hiện chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, thì vẫn cần "phân loại" giai cấp công nhân Việt Nam theo 5 loại nêu trên. Do trên thực tế, giai cấp công nhân Việt Nam chưa thể gọi là giai cấp công nhân hiện đại theo nghĩa đầy đủ của nó - nhất là về kinh tế - kỹ thuật, trong cơ cấu giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay có tới khoảng 50% "loại 5". Vì vậy, vấn đề về "công nhân lao động giản đơn" là vấn đề cần nghiên cứu, giải quyết ngay trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ta; đương nhiên, trong đó có

nội dung "làm thuê cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài" và có nội dung đình công của công nhân (hiểu "công nhân" theo nghĩa cơ cấu cả 5 loại) khi họ gắn với sản xuất công nghiệp.

### *Lao động qua đào tạo*

Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo ngày càng tăng theo sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đến năm 2005, tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 33%, năm 2006, tăng lên chiếm 33,70%. Tuy nhiên vẫn còn lực lượng khá lớn, chiếm đến 66,30% lực lượng lao động chưa qua đào tạo, chỉ là lao động phổ thông. Thực tế này đặt ra nhiều vấn đề trong công cuộc xây dựng đội ngũ công nhân, không chỉ tăng về số lượng mà còn phải mạnh về chất lượng, đủ sức tiếp nhận công nghệ hiện đại để cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Sự lớn mạnh nhanh về số lượng đã khẳng định và ngày càng nâng cao vị thế xã hội, vị trí vai trò của đội ngũ công nhân trong sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai.

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, công nghiệp Đồng Nai là một trong những nơi diễn ra quá trình đổi mới trang thiết bị hiện đại, đổi mới và chuyển giao công nghệ một cách mạnh mẽ, năng suất lao động của ngành công nghiệp giai đoạn 1996 - 2000 gấp hai lần ngành dịch vụ và 14 lần ngành nông nghiệp. Điều đó cho thấy đội ngũ công nhân Đồng Nai đã trở

thành lực lượng sản xuất cơ bản trong nền kinh tế của tỉnh, là lực lượng đi đầu trong ứng dụng khoa học - công nghệ vào quá trình sản xuất và họ đang nắm giữ những cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị hiện đại đó.

Cơ cấu kinh tế của tỉnh đã, đang và sẽ dịch chuyển theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, trong đó tỷ trọng của ngành công nghiệp của năm sau đều cao hơn năm trước từ 20,7% năm 1990 lên đến 57,4% năm 2006. Công nghiệp đã trực tiếp trang bị cho các ngành kinh tế và cho nông nghiệp những tư liệu sản xuất, như máy móc, công cụ, phương tiện kỹ thuật tiên tiến và cung cấp nguyên vật liệu cho nông nghiệp, v.v., nên trình độ cơ giới hóa trong nông nghiệp Đồng Nai được nâng lên rõ rệt (năm 2006 cơ giới hóa khâu làm đất đạt trên 80%; tỷ lệ số hộ dùng điện chiếm 95%...).

**Bảng 4: Cơ cấu kinh tế của tỉnh Đồng Nai qua các thời kỳ**

Đơn vị tính: %

Cơ cấu kinh tế	1990	1995	2000	2005	2006
<i>Toàn tỉnh</i>	<i>100,00</i>	<i>100,00</i>	<i>100,00</i>	<i>100,00</i>	<i>100,00</i>
- Ngành công nghiệp - xây dựng	20,7	38,7	52,2	57	57,4
- Ngành thương mại - dịch vụ	24,3	29,5	25	28	28,9
- Ngành nông - lâm - thủy	50,1	31,8	22,8	15	13,7

Nguồn: Niên giám thống kê của Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai.

Điều đó cũng nói lên đội ngũ công nhân Đồng Nai là lực lượng có vai trò to lớn trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn.

Công nghiệp và dịch vụ được phát triển trên các huyện, thị xã và thành phố Biên Hòa, đặc biệt công nghiệp chế biến phát triển nhanh gắn với các vùng nguyên liệu, nên đã tạo nhiều việc làm, nâng cao giá trị nông sản phẩm và năng suất lao động ở nông thôn (nông sản xuất khẩu qua chế biến 98%); đồng thời thúc đẩy sự phân công lao động giữa các ngành, góp phần chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Qua đó cho thấy đội ngũ công nhân Đồng Nai là lực lượng thúc đẩy giao lưu văn hóa giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa thành thị và nông thôn; là lực lượng góp phần nâng cao đời sống xã hội, trình độ dân trí và là trung tâm đoàn kết, tập hợp các thành phần giai cấp và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn, là cơ sở để tăng cường khối liên minh công nhân - nông dân - trí thức trên địa bàn tỉnh.

Nhìn chung, số lượng công nhân ở tỉnh Đồng Nai ngày càng đông, với tốc độ tăng trưởng khá cao, năm sau cao hơn năm trước, chủ yếu tập trung ngành sản xuất công nghiệp. Chất lượng đội ngũ công nhân Đồng Nai không ngừng nâng cao, tỷ lệ lao động qua đào tạo ngày càng nhiều lên, vị thế xã hội, vị trí vai trò của đội

ngũ công nhân Đồng Nai trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ngày càng cao. Tuy nhiên, quá trình hình thành và phát triển đội ngũ công nhân Đồng Nai, nhất là trong thời kỳ đổi mới đã đặt ra nhiều vấn đề, như trong khi khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, khu vực kinh tế dân doanh tỏ ra thu hút nhanh chóng lực lượng lao động, thì khu vực kinh tế Nhà nước đang trong quá trình đổi mới, sắp xếp đã giảm lực lượng lao động. Điều này phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước thực hiện đổi mới nền kinh tế, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý nhà nước.

#### *b) Đặc điểm của đội ngũ công nhân ở tỉnh Đồng Nai*

Quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa tạo sự phát triển công nghiệp, nhờ đó đem lại những lợi ích cơ bản, trực tiếp cho người công nhân, như việc làm, đời sống vật chất và tinh thần được nâng lên và tạo điều kiện cho giai cấp công nhân phát triển về mọi mặt. Công nhân và công nghiệp là hai mặt của một vấn đề trong mối quan hệ biện chứng thống nhất. Sự phát triển công nghiệp là điều kiện cho sự phát triển công nhân. Ngược lại, mỗi bước tiến của giai cấp công nhân lại là điều kiện để thúc đẩy công nghiệp phát triển. Trong mối quan hệ ấy, lợi ích của giai cấp công nhân là lợi ích trực tiếp của sự phát triển công nghiệp. Bởi vậy trong một mức độ nào đó, sự nghiệp công nghiệp hóa,

hiện đại hóa là vì giai cấp công nhân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Điều này thể hiện khá rõ nét ở tỉnh Đồng Nai là địa phương có tốc độ phát triển công nghiệp khá cao so với cả nước, Đảng, chính quyền và nhân dân Đồng Nai phấn đấu đưa nền kinh tế Đồng Nai sớm trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2010. Từ những điều kiện lịch sử cụ thể, từ những đặc điểm kinh tế - xã hội riêng có, ngoài những đặc điểm chung của giai cấp công nhân Việt Nam, đội ngũ công nhân Đồng Nai có những đặc điểm riêng như sau:

- Gắn liền với kinh tế, nên vị trí kinh tế đi liền với vị thế xã hội của từng tầng lớp trong đội ngũ công nhân cũng đang trong quá trình chuyển đổi, từ nền kinh tế có hai thành phần kinh tế là chủ yếu (quốc doanh và tập thể) nay phát triển nhiều thành phần kinh tế; kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Tương ứng với các thành phần kinh tế có các nhánh công nhân trong các thành phần kinh tế. Sự hình thành và phát triển của các nhánh công nhân đã được phân tích cụ thể ở phần trên. Nhưng đội ngũ công nhân Đồng Nai đã, đang và sẽ có sự biến động mạnh mẽ, phát triển sâu sắc, toàn diện gắn liền với sự phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững và là động lực chủ yếu của sự phát triển đó.



- Thành phần xuất thân của đội ngũ công nhân Đồng Nai

Trong đội ngũ công nhân Đồng Nai xuất thân từ học sinh phổ thông chiếm đến 34,62%; xuất thân sau khi tốt nghiệp các trường dạy nghề, các trường cao đẳng, đại học chiếm 13,89%; xuất thân từ lao động chưa có việc làm chiếm đến 20,89%; xuất thân từ nông dân chiếm 11,09%; số còn lại xuất thân từ cán bộ công nhân viên chức, từ bộ đội phục viên, từ buôn bán và các ngành nghề khác.

Thành phần xuất thân của đội ngũ công nhân Đồng Nai rất đa dạng, ngay những phụ nữ làm nghề tự do, những thanh niên nông thôn quen việc đồng áng cũng bỏ lên thành phố kiếm việc làm trong các doanh nghiệp. Việc chọn nghề cho bản thân mình hiện tại và tương lai của công nhân lao động chịu sự chi phối của nhiều yếu tố, như lợi ích cá nhân, ảnh hưởng của môi trường xã hội, bạn bè, hoạt động của cơ quan tuyển dụng...

- Công nhân Đồng Nai có tuổi đời còn khá trẻ, có kiến thức, trình độ rất khác nhau

+ Nhìn chung tuổi đời của đội ngũ công nhân còn khá trẻ. Theo kết quả điều tra năm 2002 cho thấy có đến 8,42% lao động có tuổi đời từ 16 - 20; 47,52% lao động có tuổi đời từ 20-30; 28,44% lao động có tuổi đời từ 31-40; 9,56% lao động có tuổi đời từ 41-45; còn lại 6,06% tuổi đời lớn hơn 45. Kết quả khảo sát gần đây cho thấy, có đến 60% lao động có tuổi đời từ 20 - 30, tăng

12,48% so với trước đây; 31% lao động có tuổi đời từ 31-40, tăng 2,56%. Mặc dù tuổi đời của đội ngũ công nhân có xu hướng trẻ hóa, nhưng tỷ lệ công nhân nhiều đời có xu hướng ngày càng giảm, phản ánh một thực trạng không bình thường cần được quan tâm trong xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân. Qua khảo sát cho thấy cuộc sống công nhân rất khó khăn, họ không có tâm huyết gắn bó lâu dài với nghề nghiệp mà chỉ tạm thời lao động để giải quyết khó khăn đời sống trước mắt.

+ Về kiến thức văn hóa. Trình độ học vấn là chìa khóa để tiếp nhận trí thức khoa học - công nghệ hiện đại, thực tế quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cho thấy, trình độ học vấn của đội ngũ công nhân càng cao, thì họ càng có điều kiện để tiếp nhận khoa học - công nghệ hiện đại, và càng có cơ hội thích ứng với sự chuyển đổi nghề nghiệp. Theo kết quả điều tra của Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai, trong số 30.000 lao động trong các cơ sở sản xuất - kinh doanh của tỉnh, có 52,19% trình độ trung học cơ sở, 39,46% trình độ trung học phổ thông, vẫn còn 8,35% chỉ có trình độ tiểu học. Theo số liệu điều tra gần đây, có 21,5% trong số công nhân có trình độ văn hóa thấp chưa tích cực theo học nâng cao văn hóa hoặc không quan tâm chiếm đến 19%.

+ Về chuyên môn kỹ thuật, cũng theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2006 có 33,7% lực lượng lao động đã qua đào tạo. Số lao động chưa qua đào tạo đang

tích cực học tập, rèn luyện tay nghề để vươn lên đáp ứng việc làm đang đảm nhận.

+ Về lý luận chính trị, theo báo cáo của Ban Tổ chức Tỉnh ủy có 68,26% công nhân chưa có trình độ lý luận chính trị; 0,44% số công nhân là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; 99,56% là người ngoài Đảng; 39,45% công nhân là đoàn viên, 53,12% lao động tham gia tổ chức công đoàn, 1,78% lao động tham gia Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam. Các tổ chức Đảng đã thành lập trong các doanh nghiệp hoạt động khá tốt; có đến 85,18% tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, 19,28% đảng viên đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 70,85% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, 9,73% hoàn thành nhiệm vụ.

- Thu nhập của công nhân có tăng lên nhưng mức sống của đội ngũ công nhân Đồng Nai vẫn còn nhiều khó khăn.

Qua kết quả khảo sát trên 50 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cho thấy, mức thu nhập công nhân hiện nay của nhiều doanh nghiệp đã tăng lên so với những năm trước đây. Tỷ lệ công nhân có mức thu nhập dưới 1.500.000 đồng chiếm 52%, 48% số lượng công nhân có thu nhập bình quân trên 1.500.000 đồng/tháng. Nhìn chung đời sống công nhân lao động được cải thiện một bước, tuy đồng lương của họ hiện tại chưa phải là cao, mới đáp ứng một phần nhu cầu cần thiết trong cuộc

sống của họ. Để đạt mức thu nhập này công nhân phải làm thêm giờ, đặc biệt là đối với lao động phổ thông. Một đặc trưng cơ bản về thu nhập là mức trung bình còn khá cao, mức giàu chưa được bao nhiêu người. Khoảng cách thu nhập giữa lao động có tay nghề kỹ thuật và lao động phổ thông ngày càng doãng ra, tỷ lệ thu nhập ở mức nghèo được thu hẹp và để tăng thu nhập cho gia đình, có đến trên 30% người lao động chọn cách làm thêm giờ từ 3-5 giờ mỗi ngày.

Yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến mức sống công nhân là nghề nghiệp. Trong điều kiện ngành công nghiệp Đồng Nai phát triển với tốc độ cao đã làm cho đời sống của công nhân được nâng lên từng bước, các tiện nghi sinh hoạt, như điện, nước, tivi, dàn nhạc, điện thoại, v.v., phần lớn gia đình công nhân dần dần trang bị tương đối đầy đủ.

Đối với công nhân, nhà ở là biểu thị về đời sống và là sự phát triển về văn hóa vật chất trong đời sống của họ. Tuy nhiên, qua kết quả khảo sát, điều tra gần đây cho thấy còn đến 60% công nhân ở các khu công nghiệp tập trung tương đương 153.920 lao động có nhu cầu nhà ở để ổn định cuộc sống, mặc dù có 40% công nhân có nhà ở nhưng diện tích bình quân đầu người chỉ có 4,4m<sup>2</sup> trong khi mục tiêu của chương trình nhà ở của tỉnh đặt ra là 10m<sup>2</sup>. Do đặc điểm của quá trình di dân nông thôn và lao động nhập cư vào Đồng Nai trong những năm qua gia tăng mạnh, nhiều lao động trong độ tuổi dưới